

Bản án số: 81/2022/DS-PT

Ngày: 26 - 4 - 2022

V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: 1/ Bà Trương Thị Liên

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2021/DSST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Trần Thanh T, sinh năm 1977

Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện G, thành phố Cần Thơ.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. NLQ1

Địa chỉ: Đường H, phường I, quận K, thành phố Cần Thơ.

3.2. Ông NLQ2, sinh năm 1978 (Chết).

Địa chỉ: Phường B, quận K, thành phố Cần Thơ.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NLQ2:

3.2.1. Ông NTKTTNLQ1

3.2.2. Bà NTKTTNLQ2

Địa chỉ: Phường L, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.2.3. Bà NTKTTNLQ3

3.2.4. Ông NTKTTNLQ4

3.2.5. Ông NTKTTNLQ5.

Cùng địa chỉ: Phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/11/2018, xe ô tô khách 45 chỗ, giường nằm biển số 65B-01.352 chạy tuyến Cờ Đỏ - Bình Dương, đi đến ngã tư Bốn Tổng Một Ngàn thuộc xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ dừng đón khách thì xe ô tô khách biển số 65B-00.999 lấy lý do bị hư hỏng, dừng đậu trước đó (trước đầu xe 65B-01.352) cố tình lùi xe nhanh về phía sau va chạm, gây thiệt hại cho xe 65B-01.352. Sau đó lực lượng Công an có mặt giải quyết tai nạn, tạm giữ xe 65B-01.352 từ ngày 01/11/2018 đến ngày 06/12/2018, sau khi nhận lại xe ông T đã đưa xe đi sửa chữa tại Cơ sở sửa chữa ô tô K 07 ngày. Ông T yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại số tiền 254.250.000 đồng gồm tiền sửa xe 39.250.000 đồng, tiền góp Ngân hàng 107.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T điều chỉnh, trình bày cụ thể các chi phí, hạng mục bị thiệt hại cụ thể: Tiền sửa chữa xe 34.900.000 đồng, tiền thu nhập từ việc chạy xe trong thời gian xe không hoạt động 82.500.000 đồng (Tiền thu nhập từ chạy xe dịch vụ (giường nằm) tuyến cố định, 02 chuyến đi về sau khi trừ đi các chi phí vào khoảng 3.500.000 đồng – 4.000.000 đồng, tính bình quân một ngày (có lỗ, có lãi, các chi phí khác) là 2.500.000 đồng/ngày). Rút yêu cầu bồi thường tiền góp Ngân hàng. Ông cung cấp các tập cùi vé xe được ông đánh số từ 01 đến 10 trong các tháng 8, 9, 10 năm 2018 để chứng minh cho thiệt hại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn trình bày:

Ông là tài xế của nhà xe G do ông NLQ2 làm chủ xe biển số 65B-00.999 thuê chạy hợp đồng. Khi xe của ông T rước khách tại quán cà phê Q (cách ngã tư 100m) chợ bà Đầm dừng cách xe ông khoảng trên 05m, do xe bị hư hỏng mà ông nghi là hư cần số, kẹt ga nên ông xuống xem xét, khoảng 02 phút sau thì lên xe thử kéo cần số (cài số lùi) thì bất ngờ xe di chuyển lùi mặc dù cố gắng xử lý nhưng không kịp nên có va chạm vào đầu xe biển số 65B-01.352 của ông T gây thiệt hại.

Sau khi trình báo, Đội Cảnh sát giao thông huyện T đến làm việc tạm giữ phương tiện và kéo cả 02 xe về giải quyết. Đối với yêu cầu của ông T, ông cho rằng va chạm ngoài ý muốn, xe đã có bảo hiểm nên số tiền sửa xe để cho bảo hiểm bồi thường (Xe biển số 65B-00.999 mua bảo hiểm của NLQ1, phía bảo hiểm đang làm thủ tục bồi thường). Các chi phí còn lại yêu cầu quá nhiều, không phù hợp nên không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày:

NLQ1 xác định xe ô tô biển số 65B-009.99 tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự tại Công ty theo Giấy chứng nhận Bảo hiểm số 004282699 có hiệu lực từ ngày 07/3/2018 đến 07/3/2019. Căn cứ biên bản giám định thiệt hại xe ô tô biển số 65B-013.52 Công ty đã cùng ông NLQ2 và ông Nguyễn Thanh H (là chủ xe và lái xe ô tô biển số 65B-009.99) thống nhất giá sửa chữa xe ô tô biển số 65B-013.52 là 22.200.000 đồng (Chưa bao gồm VAT). Ngoài ra, Công ty Bảo hiểm lưu ý: Bảng đề xuất này chỉ thống nhất về giá và các hạng mục sửa chữa. Chưa hoàn toàn là số tiền bồi thường của NLQ1. Số tiền bồi thường còn phụ thuộc vào phạm vi; tính chất; mức độ tổn thất của vụ tai nạn và được điều chỉnh theo Quy tắc Bảo hiểm, đơn Bảo hiểm đã cấp cho khách hàng. Công ty có yêu cầu xét xử vắng mặt (Bút lục 1189).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông NLQ2 là bà NTKTTNLQ3 trình bày: Ông NLQ2 là chồng bà, chết tháng 5/2020. Ông bà có 02 con chung NTKTTNLQ4, NTKTTNLQ5, cha mẹ ông NLQ2 là ông NTKTTNLQ1 (sống) và bà NTKTTNLQ2 (sống). Bà không có ý kiến gì đối với số tiền mà Công ty Bảo hiểm chi trả, bà yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (Biên bản xác minh ngày 29/7/2020, Bút lục 1150).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông T rút yêu cầu bồi thường tiền góp Ngân hàng; yêu cầu bị đơn trả tiền sửa chữa xe tại Cơ sở sửa chữa ô tô K là 34.900.000 đồng; về thu nhập bị mất hàng ngày sau khi trừ các chi phí yêu cầu bồi thường 2.500.000 đồng/ngày. Bị đơn cho rằng giá vé trên vé nguyên đơn cung cấp quá cao, không thể hiện hết các thông tin trên đó nên việc cung cấp các vé xe để tính trung bình số vé bán ra cho chuyến xe đi – về là quá cao, không phù hợp nên không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 68/2021/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 6 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T.

Buộc ông Nguyễn Thanh H bồi thường thiệt hại cho ông Trần Thanh T số tiền 142.400.000 đồng (Gồm: tiền sửa chữa xe bị hư hỏng 34.900.000 đồng và tiền mất thu nhập trong 43 ngày là 107.500.000 đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/5/2021 bị đơn kháng cáo không đồng ý bồi thường phần tiền mất thu nhập, chỉ đồng ý bồi thường 22.200.000đ tiền sửa chữa xe theo xác định của Công ty Bảo hiểm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn đồng ý bồi thường chi phí sửa xe cho nguyên đơn với số tiền 34.900.000đồng nên rút yêu cầu kháng cáo đối với phần này. Đối với phần bồi thường mất thu nhập bị đơn chỉ đồng ý bồi thường số tiền 43.000.000đồng vì cho rằng xe của nguyên đơn hoạt động không có khách.

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Cấp sơ thẩm; thẩm phán thụ lý hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung xét thấy: Đối với chi phí sửa chữa xe theo báo cáo giá sửa chữa của cơ sở sửa chữa ô tô K là 34.900.000đồng, số tiền này là chi phí sửa chữa thực tế nên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp.

Đối với số tiền thiệt hại mất thu nhập, theo xác nhận của cơ sở sửa chữa xe xác nhận thời gian sửa chữa là 07 ngày; thời hạn Công an huyện T tạm giữ xe là 36 ngày. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số ngày xe không hoạt động để tính thời gian mất thu nhập là 43 ngày là phù hợp. Tuy nhiên, theo các chứng từ và toa vé thể hiện thu nhập hàng ngày của xe khách 65B – 013.25 là không liên tục hết các ngày trong tháng nên việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bồi thường 107.500.000đồng là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xe ô tô khách biển số 65B-009.99 do ông Nguyễn Thanh H điều khiển xảy ra va chạm với ô tô khách biển số 65B-013.52 do ông Trần Thanh T làm chủ

sở hữu gây thiệt hại. Ông T yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại về chi phí sửa chữa xe, mất thu nhập hàng ngày trong thời gian xe bị tạm giữ và sửa chữa. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Thanh H kháng cáo trong thời gian luật định nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[3] NLQ1, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông NLQ2 là bà NTKTTNLQ3 có yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Bị đơn kháng cáo với 02 yêu cầu: Chỉ đồng ý bồi thường chi phí sửa xe với số tiền 22.200.000đồng và không đồng ý bồi thường tiền mất thu nhập cho nguyên đơn trong thời gian xe của nguyên đơn không hoạt động. Xét thấy:

[4.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn rút kháng cáo về phần chi phí sửa chữa xe, chấp nhận bồi thường cho nguyên đơn tiền sửa chữa xe theo án sơ thẩm đã tuyên với số tiền 34.900.000đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[4.2] Đối với kháng cáo của bị đơn đối với số tiền bồi thường thiệt hại thu nhập hàng ngày bị mất trong thời gian xe không hoạt động, nguyên đơn yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất mỗi ngày 2.500.000đồng, bị đơn chỉ đồng ý bồi thường mỗi ngày 1.000.000đồng. Xét thấy, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất cách tính thu nhập hàng ngày là: [Tiền vé xe trung bình chuyển đi và về trong 01 ngày - (tiền thuê tài xế + tiền xăng dầu)]. Theo các chứng cứ nguyên đơn cung cấp, các khoản tiền trên được xem xét cụ thể như sau:

[4.2.1] Tiền xăng dầu, nhớt: Nguyên đơn, bị đơn xác định có mức chênh lệch; nguyên đơn xác định từ 2.600.000đồng đến 3.000.000đồng/01 ngày, bị đơn xác định từ 2.500.000đồng đến 2.800.000đồng/01 ngày. Do mật độ giao thông trên tuyến đường xe chạy, giá xăng dầu giao động khó có thể xác định chính xác nên áp dụng mức trung bình của số tiền từ 2.500.000đồng đến 3.000.000đồng để xác định tiền xăng dầu, nhớt là 2.750.000đồng/01 ngày là hợp lý.

[4.2.2] Về thuê lái xe và phụ xe: Nguyên đơn và bị đơn xác định thuê 02 lái xe chính và 01 phụ xe chuyển đi – về, thống nhất số tiền thuê phụ xe là 300.000 đồng, tiền thuê lái xe chính nguyên đơn xác định thuê 600.000đồng, bị đơn thuê 500.000đồng. Do tiền thuê lái xe chính có chênh lệch 100.000đồng nên để khách quan áp dụng mức tính trung bình là 550.000 đồng. Như vậy tiền thuê các tài xế theo xe cho chuyển đi – về trong ngày là [(550.000 đồng x 02 lái xe) + (300.000 đồng x 01 phụ xe)] = 1.400.000 đồng.

[4.2.3] Về số lượng hành khách: Nguyên đơn có cung cấp các cùi vé, trong đó có 01 cùi vé không thể hiện ngày/tháng/năm nên không xem xét. Các cùi vé còn lại từ tháng 8, tháng 9, tháng 10 năm 2018 có mệnh giá 150.000 đồng/vé thể hiện:

- Cùi vé tháng 8/2018 phát hành: Ngày 11/8/2018 là 79 vé, ngày 12/8/2018 là 19 vé, ngày 14/8/2018 là 98 vé (Do xe giường nằm 45 chỗ nên tối đa chỉ được 90 vé), ngày 16/8/2018 là 58 vé, ngày 17/8/2018 là 41 vé, ngày 19/8/2018 là 50 vé, ngày 20/8/2018 là 47 vé. Tổng cộng tất cả các vé bán ra trong 07 ngày của tháng 8 là 384 vé, trung bình mỗi ngày phát hành 54,85 vé.

- Cùi vé tháng 9/2018 phát hành: Ngày 03/9/2018 là 62 vé, ngày 04/9/2018 là 09 vé, ngày 04/9/2018 là 37 vé, ngày 09/9/2018 là 60 vé, ngày 10/9/2018 là 29 vé, ngày 10/9/2018 là 22 vé, ngày 12/9/2018 là 54 vé, ngày 13/9/2018 là 22 vé. Tổng số các vé bán ra trong 08 ngày của tháng 9/2018 là 294 vé, trung bình mỗi ngày phát hành 36,75 vé.

- Cùi vé tháng 10/2018 phát hành: Ngày 06/10/2018 là 54 vé, ngày 07/10/2018 là 45 vé, ngày 27/10/2018 là 63 vé, ngày 28/10/2018 là 32 vé. Tổng số các vé bán ra trong 04 ngày của tháng 10/2018 là 194 vé, trung bình mỗi ngày phát hành 48,5 vé.

[4.3] Như vậy, trung bình một ngày các vé bán ra là $140,1 : 03 = 47$ vé (lấy số tương đương). Số tiền bán vé xe mỗi ngày là: $47 \times 150.000 \text{ đồng} = 7.050.000 \text{ đồng}$. Tiền thu nhập hàng ngày sau khi trừ đi tiền thuê tài xế và xăng dầu là: $7.050.000 \text{ đồng} - (1.400.000 + 2.750.000) = 2.900.000 \text{ đồng}$. Từ đó cho thấy, nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại tiền mất thu nhập trong thời gian không hoạt động với số tiền 2.500.000 đồng/ngày là thấp hơn mức trung bình nêu trên và có lợi cho bị đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường 2.500.000 đồng/ngày là có căn cứ chấp nhận.

[4.4] Xét về thời gian nguyên đơn mất thu nhập, thấy rằng:

Theo Biên bản tạm giữ và trả phương tiện của Công an huyện T thì thời gian tạm giữ xe ô tô 65B-013.52 là 36 ngày và sửa chữa xe tại cơ sở sửa xe K là 07 ngày nên thời gian xe không hoạt động là 43 ngày. Tuy nhiên, theo Công văn số 122/KTHT – BXT ngày 28/4/2021 của Phòng kinh tế và hạ tầng - Ủy ban nhân dân huyện P thì bến xe tạm P rà soát số lần xuất bến của xe ô tô biển số 65B-013.52 trong tháng 8/2018 là 20 lần, tháng 9/2018 là 19 lần, tháng 10/2018 là 17 lần. Cho thấy, xe ô tô biển số 65B-013.52 không đăng ký xuất tất cả các ngày trong 01 tháng. Tính trung bình số lần xe xuất bến trong 03 tháng là 19 lần/tháng, tương đương 2/3 số ngày trong mỗi tháng. Có cơ sở để xác định thời gian thiệt hại

do xe không xuất bến được tính trên số ngày xe bị tạm giữ và sửa chữa là 43 ngày $\times \frac{2}{3} = 28$ ngày (lấy số tương đương).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng những ngày không đăng ký xuất bến là do xe chạy theo hợp đồng là phù hợp với thực tế trong hoạt động xe khách. Tuy nhiên, do nguyên đơn không chứng minh được tất cả các ngày xe không xuất bến đều hoạt động theo hợp đồng nên xem xét chấp nhận cho nguyên đơn thêm 06 ngày bị mất thu nhập trong thời gian xe bị tạm giữ và sửa chữa.

Tổng số ngày nguyên đơn bị mất thu nhập được chấp nhận là 34 ngày. Số tiền mất thu nhập bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn là: $2.500.000\text{đồng} \times 34 \text{ ngày} = 85.000.000\text{đồng}$.

Từ phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền là $34.900.000\text{đồng} + 85.000.000\text{đồng} = 119.900.000\text{đồng}$.

[5] Để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án và theo đúng quy định của pháp luật, cần phải quyết định phần lãi suất chậm trả quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với người phải thi hành án trong trường hợp bản án, quyết định đã có hiệu lực. Cấp sơ thẩm chưa quyết định phần này là còn thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[6] Trong quá trình giải quyết sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Thanh T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bồi thường mất thu nhập liên quan đến tiền vay Ngân hàng, cần thiết điều chỉnh lại cách tuyên án, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định trên số tiền phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn.

Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh H.

Sửa án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh T.

Buộc ông Nguyễn Thanh H bồi thường thiệt hại cho ông Trần Thanh T số tiền 119.900.000 đồng (Gồm: tiền sửa chữa xe bị hư hỏng 34.900.000 đồng và tiền mất thu nhập trong 34 ngày là 85.000.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến yêu cầu bồi thường thiệt hại mất thu nhập do vay tiền ngân hàng (nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần khởi kiện).

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H phải chịu 5.995.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003537 ngày 13/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Tòa án ND huyện T;
- THA.DS. huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Bích Vân

